

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.481.991.710.773	2.550.324.593.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	542.970.219.399	516.375.213.095
1. Tiền	111		488.961.600.337	380.430.405.102
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.008.619.062	135.944.807.993
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		541.292.421.547	670.216.981.989
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	640.286.267.330	864.902.581.515
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(98.993.845.783)	(194.685.599.526)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.152.530.374.935	1.073.326.479.328
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	316.656.171.615	335.833.245.035
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	202.964.671.063	209.664.290.726
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	649.322.374.004	533.448.645.815
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(16.412.841.747)	(5.619.702.248)
IV. Hàng tồn kho	140		59.798.282.039	86.253.938.991
1. Hàng tồn kho	141	V.8	59.798.282.039	86.253.938.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		185.400.412.853	204.151.979.881
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	24.141.184.141	26.222.133.214
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.496.366.298	16.651.990.374
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	23.359.621.099	23.172.863.016
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	122.403.241.315	138.104.993.276

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.266.523.155.199	4.318.574.956.254
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		77.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	77.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.057.077.201.066	1.996.434.126.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	1.628.514.554.357	1.822.529.900.234
<i>Nguyên giá</i>	222		2.714.581.506.590	2.797.717.624.829
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.086.066.952.233)	(975.187.724.595)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	88.531.898.139	45.758.048.508
<i>Nguyên giá</i>	228		96.622.013.515	51.656.195.174
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.090.115.376)	(5.898.146.666)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	340.030.748.570	128.146.178.199
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	227.310.035.803	239.202.151.988
<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(52.138.403.992)	(40.246.287.807)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.626.082.529.457	1.733.691.273.485
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	1.379.152.903.426	1.301.418.098.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	297.811.943.094	470.202.571.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(50.882.317.064)	(37.929.395.809)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.593.342.561	18.394.206.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	12.420.716.799	12.599.391.855
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	3.739.436.055	3.739.436.055
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	2.433.189.707	2.055.378.399
VI. Lợi thế thương mại	269	V.23	260.460.046.312	293.853.197.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.748.514.865.972	6.868.899.549.538

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.146.846.203.504	2.374.266.512.950
I. Nợ ngắn hạn	310		1.082.834.232.333	1.373.783.572.080
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	497.698.718.432	681.199.861.627
2. Phải trả người bán	312	V.25	202.732.052.918	265.486.612.018
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	30.248.384.723	2.493.573.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	20.151.761.356	20.102.581.281
5. Phải trả người lao động	315	V.28	21.254.831.369	27.281.667.393
6. Chi phí phải trả	316	V.29	34.868.278.182	37.797.367.211
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	269.618.949.402	318.306.907.796
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.574.934.213	3.106.407.889
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	4.686.321.739	18.008.593.529
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		1.064.011.971.172	1.000.482.940.870
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	21.214.833.123	17.887.072.335
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	756.067.808.211	686.211.353.562
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		29.192.623.174	22.679.272.217
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	189.474.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	257.536.706.663	273.515.768.757
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.362.935.014.137	4.265.695.498.568
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.362.935.014.137	4.265.695.498.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	10.891.748.420	1.145.202.453

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

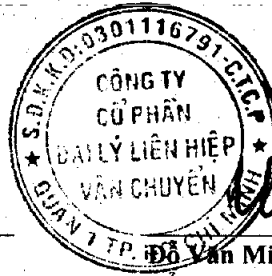
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	4.511.710.559	4.511.710.559
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	29.429.404.912	29.429.404.912
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	32.384.466.256	29.202.972.352
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	647.972.343.687	563.660.867.991
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1.	Nguồn kinh phí	432			-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		238.733.648.331	228.937.538.020
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.748.514.865.972	6.868.899.549.538

T.p Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

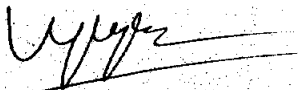
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 04 NĂM 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

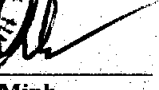
Quý 04 năm 2012

Chỉ tiêu	Quý 04		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	636.933.583.126	664.125.062.838	2.576.041.445.701	2.383.438.027.978
2 Các khoản giảm trừ	951.600.628	562.061.321	2.773.045.378	1.416.711.726
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	635.981.982.498	663.563.001.517	2.573.268.400.323	2.382.021.316.252
4 Giá vốn hàng bán	514.614.791.779	556.733.171.659	2.127.326.680.402	1.992.851.080.141
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	121.367.190.719	106.829.829.858	445.941.719.921	389.170.236.111
6 Doanh thu hoạt động tài chính	32.954.369.269	43.690.589.274	115.602.774.387	176.112.413.379
7 Chi phí tài chính	50.042.398.220	106.094.155.232	182.047.069.443	327.550.109.867
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	33.188.075.514	41.102.234.797	143.184.533.133	162.371.530.478
8 Chi phí bán hàng	4.614.326.988	1.104.364.771	16.995.240.010	10.130.664.702
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.745.650.967	64.715.930.967	252.165.644.686	221.142.188.094
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.919.183.812	(21.394.031.838)	110.336.540.169	6.459.686.828
11 Thu nhập khác	8.485.670.679	10.994.247.460	153.993.596.160	43.459.686.390
12 Chi phí khác	2.321.100.518	4.853.658.766	118.122.440.421	20.303.915.332
13 Lợi nhuận khác	6.164.570.161	6.140.588.694	35.871.155.739	23.155.771.058
14 Lợi nhuận trước thuế	30.083.753.973	(15.253.443.144)	146.207.695.908	29.615.457.886
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.441.811.770	2.793.576.753	29.574.210.513	16.121.743.190
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37.460.953		5.553.981.750	(1.209.930.593)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.604.481.250	(18.047.019.897)	111.079.503.645	14.703.645.289
17.1 Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số	683.851.667	1.353.539.127	9.796.110.311	8.463.830.102
17.2 Lãi sau thuế của Công ty Gemadept	27.920.629.583	(19.400.559.024)	101.283.393.334	6.239.815.187
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	255	(193)	925	62

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

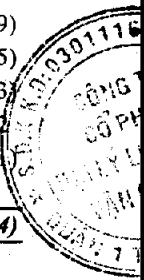
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy đến cuối năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	146.207.695.908	29.615.457.886
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	204.541.466.855	202.304.181.113
- Các khoản dự phòng	03	(71.945.692.989)	101.371.994.452
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(27.904.191.342)	(2.786.816.897)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(99.621.565.442)	(54.366.746.850)
- Chi phí lãi vay	06	143.184.533.133	162.371.530.478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	294.462.246.123	438.509.600.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(234.449.112.778)	(630.342.101.188)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	26.455.656.952	(23.991.608.094)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	236.038.955.172	353.274.671.111
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.259.624.129	(9.673.384.909)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(144.058.867.067)	(161.776.684.605)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.645.239.397)	(12.967.337.153)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	226.413.574.334	190.453.501.572
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(215.755.802.618)	(240.166.131.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.721.034.850	(96.679.474.894)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(258.826.014.717)	(142.997.741.812)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	126.336.761.991	35.200.514.124
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.300.000.000)	(189.252.801.850)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	247.808.138.859	236.065.520.611
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(109.180.000.000)	(177.731.505.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	17.811.845.000	20.132.190.132
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	98.149.301.821	73.338.323.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68.800.032.954	(145.245.499.858)

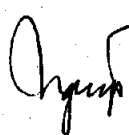


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

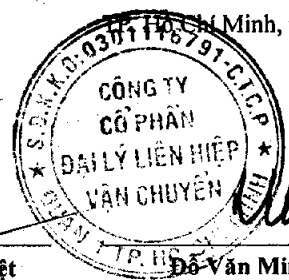
CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy đến cuối năm nay	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.297.265.972.064	1.297.880.818.573
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.410.910.660.610)	(1.081.799.536.452)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(6.011.673.604)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(91.651.494.887)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(205.296.183.433)	210.069.608.517
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.224.884.371	(31.855.366.235)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	516.375.213.095	546.776.463.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	370.121.934	1.454.116.012
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	542.970.219.399	516.375.213.095

Đỗ Văn Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính năm 2012 của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, logistics, kinh doanh bất động sản và trồng rừng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và kinh doanh bất động sản.

- **Khai thác cảng:** Khai thác hệ thống cảng trái dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; đầu tư vào dự án cảng container Nam Hải-Đình Vũ, cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- **Logistics:** Trung tâm phân phối; vận tải container chuyên tuyến; vận tải hàng siêu trường siêu trọng; vận tải đa phương thức; quản lý tàu và thuyền viên; đại lý giao nhận; hàng hóa hàng không, ...
- **Trồng rừng:** Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- **Bất động sản:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Tổng số các công ty con

: 19

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất

: 19

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01 to #11-04 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No. 68, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	78,60 %	78,60 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS – Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadep	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tôn, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học	Lầu 21, Tòa nhà Gemadep, số 6		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Vĩ Tín	Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistic Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34,00%	34,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30, đường Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Hải Phòng.	35,00%	35,00%

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	65,12%	40,12%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep - Terminal Link là 65,12%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep - Terminal Link là 40,12%. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep - Terminal Link được xem là khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ.

Năm 2012, Tập đoàn thực hiện việc cơ cấu các ngành nghề hoạt động kinh doanh chủ đạo theo bốn mảng hoạt động chính bao gồm: hoạt động khai thác Cảng, hoạt động Logistics, kinh doanh bất động sản và trồng rừng.

Công ty cổ phần Gemadep đã hoàn thành việc phát hành nợ chuyển đổi trị giá 40 triệu USD cho Công ty cổ phần Quỹ đầu tư Việt Nam với lãi suất cố định 06% năm, thời hạn 05 năm. Nợ có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 01 năm kể từ ngày phát hành là ngày 15 tháng 8 năm 2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các Công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe,...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

18. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

19. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

20. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

21. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

22. Trích lập các quỹ

Các quỹ của các Công ty trong Tập Đoàn được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm. Tỷ lệ trích lập tùy thuộc theo các quy định cụ thể của từng Công ty. Mục đích sử dụng các quỹ như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2011	: 20.828 VND/USD
	: 16.031 VND/SGD
	: 6.570 VND/MYR
31/12/2012	: 20.828 VND/USD
	: 16.896 VND/SGD
	: 6.759 VND/MYR

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	23.575.328.529	19.032.497.614
Tiền gửi ngân hàng	462.468.381.324	360.973.704.297
Tiền đang chuyển	2.917.890.483	424.203.191
Các khoản tương đương tiền (*)	54.008.619.063	135.944.807.993
Cộng	<u>542.970.219.399</u>	<u>516.375.213.095</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	157.471.867.330	311.571.252.626
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	414.400.000	70.931.328.889
Tiền cho vay ngắn hạn	-	37.292.283.389
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	414.400.000	33.639.045.500

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	640.286.267.330	864.902.581.515
(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.		
Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:		
Số đầu năm	194.685.599.526	
Hoàn nhập dự phòng	(95.691.753.743)	
Số cuối kỳ	98.993.845.783	
4. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	135.535.890.416	158.125.115.290
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept		
Dung Quất	4.675.662.369	5.349.569.358
Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Sáng	438.361.922	911.466.722
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	3.287.508.712	5.498.532.867
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	15.406.799.433	30.310.994.001
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	56.238.090.168	58.282.229.450
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	53.128.056.951	30.757.842.368
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	1.750.917.359	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	6.799.974.514	918.389.206
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	18.994.678.540	21.729.933.337
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	503.766.494	116.358.690
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	19.831.165.766	23.593.774.820
Tại Công ty TNHH Dịch vụ tin học Vĩ Tín	6.000.000	-
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	59.298.971	239.038.926
Cộng	316.656.171.615	335.833.245.035
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	49.193.243.351	74.165.772.038
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept		
Dung Quất	88.880.000	18.177.300.492
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	22.000.000	28.375.000
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	16.500	3.288.200.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	37.056.654.211	40.206.417.474
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	47.908.664.568	21.456.357.961
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	5.746.902.536	9.090.964.905
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	9.386.840.392	1.677.635.421
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	49.971.859.181	37.864.180.781
Tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	-	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.274.662.748	1.391.442.481
Các công ty khác	2.696.597	-
Cộng	<u>202.964.671.063</u>	<u>209.664.290.726</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.317.101.035	46.171.986.075
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	460.625.204.591	375.265.145.680
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	82.970.833	26.537.861.281
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.200.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu khác	165.097.097.545	82.173.652.779
Cộng	<u>649.322.374.004</u>	<u>533.448.645.815</u>
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.		
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
Số đầu năm	5.619.702.248	
Trích lập dự phòng bổ sung	10.793.139.499	
Số cuối kỳ	<u>16.412.841.747</u>	
8. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.147.918.000	2.780.331.610
Nhiên liệu tồn trên tàu	20.833.947.041	50.843.895.486
Công cụ dụng cụ	-	5.750.000
Phụ tùng thay thế	13.944.424.296	13.767.271.111
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.871.992.702	18.856.690.784
Cộng	<u>59.798.282.039</u>	<u>86.253.938.991</u>
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	7.217.360.464	14.964.213.834
Công cụ, dụng cụ	3.402.014.362	3.786.625.660
Chi phí bảo hiểm	1.619.972.780	2.042.981.042
Chi phí thuê dịch vụ	5.691.213.637	-
Các chi phí khác	6.210.622.898	5.428.312.678

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			24.141.184.141		26.222.133.214	
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước			23.359.621.099		23.172.863.016	
Cộng			23.359.621.099		23.172.863.016	
11. Tài sản ngắn hạn khác			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tạm ứng			49.346.907.389		41.892.349.592	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			73.013.255.708		96.198.095.034	
Tài sản thiếu chờ xử lý			43.078.218		14.548.650	
Cộng			122.403.241.315		138.104.993.276	
12. Phải thu dài hạn khác			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân			19.000.000.000		19.000.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics			18.000.000.000		18.000.000.000	
Công ty CP Hàng Hải Ngân Hà			40.000.000.000			
Cộng			77.000.000.000		37.000.000.000	
13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	468.103.722.899	362.957.025.847	1.906.190.534.430	23.768.989.770	36.697.351.883	2.797.717.624.829
Tăng trong năm	41.210.552.038	30.853.810.818	48.622.158.785	2.210.382.407		122.896.904.047
Giảm trong năm	(24.387.470.344)	(6.795.598.614)	(174.775.396.706)	(74.556.623)		(206.033.022.287)
Số cuối quý	484.926.804.593	387.015.238.051	1.780.037.296.509	25.904.815.554	36.697.351.883	2.714.581.506.590
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.683.121.042	168.514.692.591	701.513.222.598	17.944.328.788	7.532.359.577	975.187.724.595
Tăng trong năm	22.872.664.079	30.895.704.333	142.586.782.782	4.056.635.371	2.530.385.054	202.942.171.620
Giảm trong năm	(8.153.887.171)	(3.112.464.609)	(80.758.399.216)	(38.192.986)		(92.062.943.982)
Số cuối quý	94.401.897.950	196.297.932.315	763.341.606.164	21.962.771.173	10.062.744.631	1.086.066.952.233
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	388.420.601.857	194.442.333.256	1.204.677.311.833	5.824.660.982	29.164.992.306	1.822.529.900.234
Số cuối quý	390.524.906.643	190.717.305.736	1.016.695.690.345	3.942.044.381	26.634.607.252	1.628.514.554.357

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.643.458.865	12.012.736.309	51.656.195.174
Mua sắm mới	42.339.418.340	2.627.824.009	44.967.242.349
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	81.982.877.205	14.639.136.310	96.622.013.515
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.403.812.824	4.494.333.842	5.898.146.666
Khấu hao trong kỳ	573.657.680	1.619.735.038	2.193.392.718
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	1.977.470.504	6.112.644.872	8.090.115.376
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.239.646.041	7.518.402.467	45.758.048.508
Số cuối kỳ	80.005.406.701	8.526.491.438	88.531.898.139

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Phát sinh giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	42.340.663.720	13.744.622.698	(15.123.670.817)	40.961.615.601
XDCB dở dang	85.805.514.479	645.399.150.446	(432.135.531.956)	299.069.132.969
Tổng cộng	128.146.178.199	659.143.773.144	(447.259.202.773)	340.030.748.570

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Khấu hao trong kỳ	-	11.892.116.185	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm 2012</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	84.197.620.387
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	26.968.650.854
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh văn phòng cho thuê	45.00%	45.892.614.492	45.00%	44.202.635.857
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26.78%	12.938.743.118	26.78%	12.493.416.684
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34.00%	6.162.846.457	34.00%	6.162.846.457
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	29.00%	39.039.857.149	29.00%	38.239.833.707
Công ty cổ phần du Lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40.00%	18.268.148.536	40.00%	18.268.148.536
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38.02%	28.403.459.787	38.02%	28.170.371.229
Công ty TNHH Huynhai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	-	-	49.00%	8.203.685.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	23.00%	69.855.763.698	23.00%	86.504.953.409
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25.00%	23.040.514.292	25.00%	26.180.767.365
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49.00%	15.204.157.561	49.00%	11.822.439.644
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26.56%	45.388.959.285	26.56%	48.511.131.040
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40.00%	43.478.595.636	40.00%	39.298.595.636
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	Dịch vụ khai thác cảng	40.12%	926.479.243.416	40.12%	933.359.273.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đinh Vũ	Khai thác cảng	35.00%	105.000.000.000	-	-
Cộng			1.379.152.903.426		1.301.418.098.200

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	171.884.041.600	203.374.669.600
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm	-	140.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	125.927.901.494	125.927.901.494
Cộng	297.811.943.094	470.202.571.094

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	37.929.395.809
Trích lập dự phòng bổ sung	12.952.921.255
Số cuối kỳ	50.882.317.064

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phần mềm kế toán	-	48.611.507
Chi phí thuê dịch vụ	615.522.693	287.375.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.267.349.502	4.345.989.094
Chi phí sửa chữa tàu	-	3.785.191.740
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	767.776.010	498.951.967

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thiết kế	-	234.391.266
Chi phí trang trí nội thất	660.398.528	1.056.668.586
Chi phí nạo vét bến phao	-	1.756.949.091
Các chi phí khác	4.109.670.066	585.263.604
Cộng	<u>12.420.716.799</u>	<u>12.599.391.855</u>

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	336.229.509	846.731.279
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	833.120.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	1.272.560.198	375.527.120
Cộng	<u>2.433.189.707</u>	<u>2.055.378.399</u>

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua cổ phiếu của Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

Nguyên giá	
Số đầu năm	333.931.512.200
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-
Số cuối kỳ	<u>333.931.512.200</u>

Số đã phân bổ	
Số đầu năm	40.078.314.668
Phân bổ trong kỳ	33.393.151.220
Số cuối kỳ	<u>73.471.465.888</u>

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	293.853.197.532
Số cuối kỳ	<u>260.460.046.312</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	375.122.767.854	506.686.104.324
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	28.916.674.774	84.528.729.519
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	12.466.725.982	16.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	65.657.088.151	70.985.027.784

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	12.535.461.671	
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	497.698.718.432	681.199.861.627

25. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	93.711.606.404	139.517.239.288
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	4.428.936.047	9.553.635.710
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	2.074.274.625	5.599.834.477
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	1.595.000.352	13.870.045.031
Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Sáng	7.533.656.930	6.968.056.774
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	21.408.651.787	37.880.564.784
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	486.130.549	317.077.797
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	35.014.458.362	11.794.166.563
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	690.753.860	24.726.206
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	12.666.291.453	9.974.238.057
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	17.656.896.572	7.272.574.650
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	5.159.037.823	16.873.532.819
Tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	306.358.154	5.840.919.862
Cộng	202.732.052.918	265.486.612.018

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	4.328.495.553	2.171.913.947
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	3.307.326.094	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	28.660.536	-
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	12.908.077.176	54.397.652
Tại Công ty TNHH dịch vụ tin học VI Tín	-	9.200.000
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	71.380.764	47.085.963
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	9.551.602.324	153.471.118
Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Sáng	880.972	1.571.730
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	51.961.304	55.932.925
Cộng	30.248.384.723	2.493.573.335

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	20.151.761.356	20.102.581.281
Cộng	20.151.761.356	20.102.581.281

28. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	10.584.986.087	9.820.242.167
Chi phí bốc xếp, lưu kho	12.485.691.653	6.398.490.693
Chi phí thuê tài sản	-	2.640.000.000
Cước lai đất	547.272.727	3.911.857.636
Chi phí sửa chữa	114.826.712	3.162.309.237
Chi phí hoa hồng, tiền thưởng	692.952.472	934.166.728
Chi phí khác	10.442.548.531	10.930.300.750
Cộng	34.868.278.182	37.797.367.211

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	1.873.446.714	3.236.402.988
Cổ tức phải trả	1.053.722.364	73.315.614.098
Nhận ký quỹ, ký cược	6.873.259.034	12.891.058.022
Doanh thu chưa thực hiện	10.981.983.239	2.766.834.580
Tài sản thừa chờ xử lý	59.603.908	1.436.005.790
Các khoản phải trả khác	248.776.934.144	224.660.992.318
- Các khoản thu hộ phải trả	28.068.324.621	41.313.734.591
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.811.146.204
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	27.200.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	120.853.141.332	120.853.141.332
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	41.059.818.325	5.243.220.369
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	12.891.334.573	11.666.637.088
- Các khoản phải trả khác	34.923.394.807	7.308.434.157
Cộng	269.618.949.403	318.306.907.796

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	18.008.593.529
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.097.798.452
Chi quỹ	(17.420.070.242)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	4.686.321.739	
32. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	21.214.833.123	17.887.072.335
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	-
Cộng	21.214.833.123	17.887.072.335
33. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	454.621.142.858	251.562.781.286
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	82.205.975.510	139.076.838.306
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	216.000.000.000	218.475.725.982
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	3.240.689.843	14.028.500.087
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	-	63.067.507.901
Cộng	756.067.808.211	686.211.353.562
34. Doanh thu chưa thực hiện		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	257.536.706.663	263.351.996.765
Doanh thu chưa thực hiện	-	10.163.771.992
Cộng	257.536.706.663	273.515.768.757
35. Vốn chủ sở hữu		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.891.748.420	1.145.202.453
Quỹ đầu tư phát triển	4.511.710.559	4.511.710.559
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	32.384.466.256	29.202.972.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	647.972.343.687	563.660.867.991
Cổ phiếu		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.576.041.445.701	2.383.438.027.978
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	757.467.430.363	661.758.110.200
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý, ...	1.734.376.394.951	1.631.074.688.299
- Doanh thu cho thuê văn phòng	84.197.620.387	90.605.229.479
Các khoản giảm trừ (giảm giá hàng bán)	(2.773.045.378)	(1.416.711.726)
Doanh thu thuần	<u>2.573.268.400.323</u>	<u>2.382.021.316.252</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	509.594.392.865	479.046.141.163
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý, ...	1.590.763.636.683	1.481.878.457.842
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	26.968.650.854	31.926.481.136
Cộng	<u>2.127.326.680.402</u>	<u>1.992.851.080.141</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi đầu tư chứng khoán	17.982.030.500	11.811.124.474
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.832.407.736	40.148.563.305
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.276.133.820	72.664.573.829
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi liên doanh liên kết	32.272.922.937	32.420.232.683
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.239.279.394	19.067.919.088
Cộng	<u>115.602.774.387</u>	<u>176.112.413.379</u>

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí lãi vay	143.184.533.133	158.257.027.521
Lỗ đầu tư chứng khoán	109.054.267.794	9.413.941.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.166.868.196	57.626.295.757
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn	(94.042.365.128)	97.584.217.921
Chi phí tài chính khác	683.765.448	4.658.627.397
Cộng	182.047.069.443	327.550.109.867
5. Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.887.729.542	2.287.651.629
Chi phí khác	14.107.510.468	7.843.013.073
Cộng	16.995.240.010	10.130.664.702
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	110.489.532.834	79.010.455.159
Chi phí vật liệu	1.380.301.619	1.381.319.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.018.854.429	10.744.949.900
Chi phí dự phòng	12.073.765.732	2.944.531.932
Phân bổ lợi thế thương mại	39.878.203.220	39.878.203.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.474.173.394	42.297.362.998
Chi phí khác	27.850.813.458	44.885.365.634
Cộng	252.165.644.686	221.142.188.094
7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	137.515.961.061	30.129.623.215
Thu nhập khác	16.477.635.099	13.330.063.175
Cộng	153.993.596.160	43.459.686.390
8. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	97.147.113.629	12.310.891.612
Chi phí khác	20.975.326.792	7.993.023.720
Cộng	118.122.440.421	20.303.915.332
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.283.393.334	6.239.815.187

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	101.283.393.334	6.239.815.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	109.447.309	100.656.063
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	925	62

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	483.442.293.631	474.516.817.363
Chi phí nhân công	262.388.833.024	204.164.455.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.467.563.126	202.850.527.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.300.284.720.052	1.230.258.301.034
Chi phí khác	103.025.952.045	72.213.913.541
Cộng	2.356.609.361.878	2.184.004.014.506

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Công ty liên doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH OOCL Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	-	4.268.215.895
Chi phí dịch vụ	-	-
Công ty MBN - GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.299.291.751	1.287.326.840

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua dịch vụ		-
<i>Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo</i>		
Chi phí phát sinh	424.947.991	336.356.106
<i>Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm</i>		
Góp vốn đầu tư		-
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Doanh thu lãi cho vay	145.849.600	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.363.636	-
Cho vay ngắn hạn		4.207.200.000
<i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam</i>		
Doanh thu thực hiện		7.591.130.166
Chi phí dịch vụ		28.788.681
Chuyển nhượng góp vốn	4.593.015.000	-
<i>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</i>		
Góp vốn đầu tư		-
Chi phí dịch vụ	376.550.956	535.219.433
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	6.329.249.661	7.323.797.888
Cung cấp dịch vụ	149.413.634	688.971.032
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Góp vốn đầu tư		351.750.000.000
Mượn tiền		246.000.000.000
Vay ngắn hạn		123.004.033.928
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.396.462.401	
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn đầu tư	105.000.000.000	
Mượn tiền	8.000.000.000	
Cho mượn tiền	8.700.000.000	
<i>Công ty TNHH Golden Globe</i>		
Góp vốn đầu tư		39.298.595.636

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Cho vay ngắn hạn		4.207.200.000
Phải thu khách hàng		4.861.653
Phải thu khác	534.143.500	
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	14.065.788	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	385.691.407	606.054.581
<i>Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu khác	8.700.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>9.933.900.695</u>	<u>5.118.116.234</u>
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải trả người bán		3.031.584
<i>Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo</i>		
Phải trả nhà cung cấp	1.343.989	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Mượn tiền	120.853.141.332	120.853.141.332
Vay ngắn hạn		-
Cộng nợ phải trả	<u>120.854.485.321</u>	<u>120.856.172.916</u>

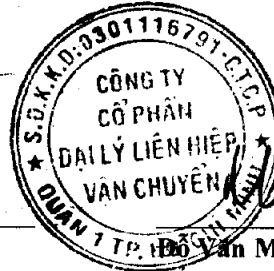
TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2013



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc